

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại 122000111349 Ngân hàng Vietcombank- chi nhánh 6 TPHCM

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Tiền khoản	Ghi chú		
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương T02/2023	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác							
1	2	3		4	5	6	8	9					10	12	
								Phụ cấp ưu đãi	Hỗ trợ chính sách miễn non 25%	Chế độ cho GV miễn non theo nghị quyết 04	Phụ cấp thêm giờ	Phụ cấp ban thanh tra nhân dân	Phụ cấp trách nhiệm kế toán, thủ quỹ		
				262.517.226	133.289.089	8.963.604	-	43.413.832	33.140.655	28.100.000	14.192.046	120.000	298.000	1.000.000	
I	Đối với công chức, viên chức:			253.553.622	133.289.089	-	-	43.413.832	33.140.655	28.100.000	14.192.046	120.000	298.000	1.000.000	
1	Ngô Thị Thúy Vân	104876921160	Vietinbank	15.040.669	9.236.882			2.857.820	2.041.300		904.667				
2	Nguyễn Thụy Phương Lan	106877607397	Vietinbank	13.430.081	8.134.655			2.607.500	1.862.500		825.426				
3	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	109877582964	Vietinbank	9.419.319	5.511.295			1.924.335	1.374.525		609.164				
4	Đào Thị Thủy Linh	102877607406	Vietinbank	17.492.549	9.981.942			2.935.002	2.096.505	1.550.000	929.100				
5	Hoàng Thị Ngọc Loan	104877607417	Vietinbank	15.125.592	8.301.348			2.597.070	1.855.050	1.550.000	822.124				
6	Vũ Thị Thanh Xuân	105877607416	Vietinbank	14.570.899	7.937.290			2.503.200	1.788.000	1.550.000	792.409				
7	Trần Minh Thu	102877607421	Vietinbank	14.101.985	7.627.239			2.424.975	1.732.125	1.550.000	767.646				
8	Phan Thị Kiêm Châu	100877607423	Vietinbank	13.318.054	7.033.943			2.331.105	1.665.075	1.550.000	737.931				
9	Bùi Thị Minh Thu	105877580524	Vietinbank	13.153.590	7.028.342			2.252.880	1.609.200	1.550.000	713.168				
10	Phạm Thị Bích Phượng	108877607413	Vietinbank	13.389.411	7.052.346			2.357.180	1.683.700	1.550.000	746.185				
11	Nguyễn Thị Như Ngọc	106877607415	Vietinbank	12.054.371	6.278.621			2.080.785	1.486.275	1.550.000	658.690				
12	Nguyễn Thị Bích Ly	108877607400	Vietinbank	10.075.955	4.929.201			1.736.595	1.240.425	1.550.000	549.734	70.000			
13	Xương Thị Mộng Tuyền	106877607402	Vietinbank	3.877.020				1.736.595	1.240.425	900.000					Nghỉ bộ sản từ tháng 12/2022 đến 5/2023
14	Nguyễn Thị Hồng Vân	103877607418	Vietinbank	10.332.468	5.151.236			1.736.595	1.240.425	1.550.000	604.212	50.000			
15	Bùi Thị Kim Tuyền	103877607420	Vietinbank	9.167.977	4.440.721			1.564.500	1.117.500	1.550.000	495.256				
16	Vương Thị Châu	103877607405	Vietinbank	11.013.237	5.597.576			1.903.475	1.359.625	1.550.000	602.561				
17	Bùi Thị Minh Thủy	107877607401	Vietinbank	9.055.783	4.646.755			1.580.145	1.128.675	1.200.000	500.208				
18	Nguyễn Trần Sơn Thủy	100877607411	Vietinbank	7.925.603	3.844.891			1.418.480	1.013.200	1.200.000	449.032				
19	Trần Thị Chuyên	104877607404	Vietinbank	9.284.563	4.525.535			1.580.145	1.128.675	1.550.000	500.208				
20	Giang Thanh Loan	100877580965	Vietinbank	7.871.582	5.147.503				1.437.850		637.229		149.000	500.000	
21	Mai Thị Thanh Hiệp	101877607407	Vietinbank	6.574.534	2.800.455			1.095.150	782.250	1.550.000	346.679				
22	Dương Thị Liễu	109877607409	Vietinbank	6.574.534	2.800.455			1.095.150	782.250	1.550.000	346.679				
23	Nguyễn Thị Mỹ Tiên														

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:									Ghi chú	
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương T02/2023	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác					Tiền khoản		

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi hai triệu năm trăm mười bảy ngàn hai trăm hai mươi sáu đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước: Tổng số tiền : 14.192.046 đồng

Lý do chênh lệch:

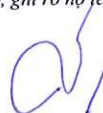
Tháng 02 lãnh tiền thêm giờ tháng 01/2023, số tiền chênh lệch so với tháng trước là 14.192.046 đồng

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Giang Thanh Loan

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Giang Thanh Loan

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 03 tháng 02 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Ngô Thị Thúy Vân

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng